



Thứ tư, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Vietnam Daily Review

Áp lực chốt lời

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 12/4/2018		•	
Tuần 9/4-13/4/2018		•	
Tháng 4/2018		•	

Điểm nhấn

- Áp lực bán tăng vọt trên toàn thị trường vào phiên chiều, các chỉ số bao trùm trong sắc đỏ giảm về ngưỡng hỗ trợ.
- Nhóm cổ phiếu kéo chỉ số tăng điểm nhiều nhất bao gồm KDH (+0.18 điểm), CTD (+0.12 điểm), VHC (+0.08 điểm), PVD (+0.04 điểm), DHG (+0.04 điểm).
- Nhóm cổ phiếu khiến thị trường giảm điểm bao gồm VIC (-4.85 điểm), VCB (-4.37 điểm), MSN (-2.98 điểm), CTG (-2.19 điểm), GAS (-0.36 điểm)
- Dòng tiền chốt lời mạnh ở nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bất động sản.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index trong phiên hôm nay đạt 7,517.6 tỷ đồng. Biên độ dao động trong phiên hôm nay là 35.35 điểm. Thị trường có 77 mã tăng và 219 mã giảm.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày hôm nay, VN-Index giảm 31.01 điểm, đóng cửa tại 1,167.11 điểm. Bên cạnh đó, HNX-Index giảm 2.94 điểm xuống 133.74 điểm.
- Khối ngoại hôm nay đã bán ròng 282.78 tỷ đồng trên sàn HOSE tập trung tại các mã VIC (-227.5 tỷ), VCB (-94.4 tỷ), VJC (-77.1 tỷ). Ở hướng ngược lại, họ mua ròng 111.33 tỷ đồng trên sàn HNX.

Nhận định thị trường

Thị trường về cuối phiên giao dịch chứng kiến áp lực bán rất mạnh và trải rộng ra nhiều nhóm cổ phiếu trụ cột thời gian vừa qua. Các nhóm điều chỉnh mạnh gồm Ngân hàng (VCB, VPB) hay Chứng khoán (SSI, VND), Bất động sản (VIC). Các cổ phiếu trong nhóm VN30 chịu áp lực chốt lời lớn dẫn đến trạng thái mất cân bằng mạnh trên thị trường với số mã giảm điểm gấp 3 lần số mã tăng. BSC khuyến nghị nhà đầu tư thận trọng trong phiên giao dịch ngày mai khi sự rung lắc sẽ lớn hơn phiên hôm nay và sự phân hóa dòng tiền rõ rệt hơn. Đây là cơ hội để nhà đầu tư tìm ra những mã cổ phiếu để mở vị thế sau đợt điều chỉnh kết thúc.

Phân tích kỹ thuật: MWG_Tiếp cận ngưỡng hỗ trợ

Danh mục ngắn hạn: cắt lỗ TDH

(Vui lòng tải và xem [trang 2 báo cáo](#))

(Để xem thêm thông tin cổ phiếu lớn, vui lòng tải và xem [trang 4 báo cáo](#))

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Trần Thành Hưng

hungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Tuấn Anh

anhnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1167.11**

Giá trị: 7517.64 tỷ **-31.01 (-2.59%)**

Khối ngoại (ròng): -282.78 tỷ

HNX-INDEX **133.74**

Giá trị: 1300.77 tỷ **-2.94 (-2.15%)**

Khối ngoại (ròng): 111.33 tỷ

UPCOM-INDEX **59.86**

Giá trị: 385.2 tỷ **-0.56 (-0.93%)**

Khối ngoại(ròng): 14.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	65.8	0.49%
Giá vàng	1,346	0.47%
Tỷ giá USD/VND	22,788	-0.04%
Tỷ giá EUR/VND	28,129	0.16%
Tỷ giá JPY/VND	21,300	0.21%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	-
LS TPCP 5 năm	3.3%	-

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	115.80	VIC	227.50
VNM	93.50	VCB	94.40
KDC	20.20	VJC	77.10
GEX	20.00	NVL	44.70
VND	18.80	MSN	36.20

Nguồn: BSC Research

Báo cáo này được xem là nguồn thông tin tham khảo. Vui lòng đọc kỹ phần Khuyến cáo sử dụng ở trang cuối.

Nguyễn Tuấn Anh

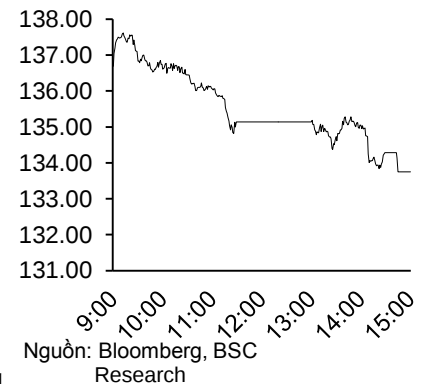
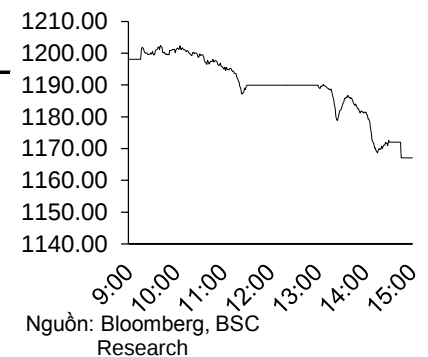
anhnt@bsc.com.vn

Cập nhật cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

Mã	Thanh khoản (tr \$)	Đóng cửa (nghìn)	Hỗ trợ (nghìn)	Kháng cự (nghìn)	Trạng thái	Ghi chú
KDH	0.9	41.3	35	43	MUA	Tăng giá kéo dài
CII	1.4	32.4	29	35	NGỪNG MUA	Tăng giá ngắn hạn
DPM	0.5	21.3	8	24	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
CVT	0.6	49.8	45	52	NGỪNG BÁN	Tăng giá trung hạn
FMC	0.5	29.9	27	32	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
HAG	1.9	5.4	5	8	NGỪNG BÁN	Giảm giá kéo dài
HBC	4.8	48.0	42	50	NGỪNG BÁN	Tăng giá kéo dài
BID	4.8	44.5	43	47	MUA	Tăng giá kéo dài
PVT	0.8	20.1	20	22	NGỪNG BÁN	Giảm giá ngắn hạn
NLG	1.1	41.0	34	43	MUA	Tăng giá kéo dài

Hình 1

HSX-Index Intraday



Bảng 1

Hợp đồng tương lai

Ticker	Đóng	± Ngày	± KLGD
VN30F1804	1174.0	-0.4%	40.1%
VN30F1805	1180.0	-0.4%	44.4%
VN30F1806	1186.0	-0.3%	94.2%
VN30F1809	1201.9	-0.1%	91.5%

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTD	160	2.6	0.3
DHG	112	0.8	0.1
KDC	40	0.0	0.0
NT2	31	0.0	0.0
NVL	73	0.0	0.0

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
ROS	107	-6.9	-1.9
MSN	98	-6.7	-5.8
PLX	79	-4.8	-0.9
VCB	71	-4.4	-2.4
CTG	36	-4.3	-1.2

Quý khách vui lòng liên hệ với tư vấn viên để có cập nhật thêm về tín hiệu trong phiên của cổ phiếu

Phân tích kỹ thuật

Mã chứng khoán: MWG_Tiếp cận ngưỡng hỗ trợ

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: giảm giá dài hạn
- Chỉ báo MACD: giảm, phân kỳ bên dưới đường tín hiệu
- Chỉ báo ADX: tăng
- Chỉ báo RSI: giảm xuống vùng quá bán

Nhận định: Sau một đợt tăng giá dài hạn, MWG không chinh phục được ngưỡng kháng cự 138.6 và điều chỉnh xuống dưới ngưỡng hỗ trợ "Neckline" ở mức 130, tạo thành mô hình "Head and Shoulder top". Hiện tại, giá cổ phiếu MWG đang trong xu hướng điều chỉnh dài hạn, và đã rơi thủng ngưỡng hỗ trợ 61% Fibonacci. Các tín hiệu kỹ thuật cho thấy khả năng giá cổ phiếu sẽ tiếp tục điều chỉnh trong thời gian tới.

Khuyến nghị: Nhà đầu tư tiếp tục theo dõi diễn biến giá cổ phiếu khi giá cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 78.6% Fibonacci ở mức 95. Trong trường hợp giá cổ phiếu giữ được ngưỡng hỗ trợ này với giá trị thanh khoản tốt, nhà đầu tư có thể tận dụng gia tăng tỷ trọng cổ phiếu ở mức giá thấp này.



Danh mục khuyến nghị

Danh mục ngắn hạn

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	DXG	19/3/2018	38.40	36.70	-4.4%	36.0	43.0
2	KDH	04/04/2018	39.10	41.30	5.6%	37.0	43.0
3	GTN	05/04/2018	11.60	11.00	-5.2%	10.9	14.0
Trung bình					-1.3%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục CANSLIM

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	MBB	27/4/2015	13.8	35.20	155.1%	34.4	37.1
2	HPG	28/10/2016	25.5	60.50	137.5%	57.0	64.3
3	HCM	18/09/2017	41.9	84.70	102.1%	76.0	90.0
4	PDR	2/3/2018	37.4	40.80	9.2%	34.0	45.0
5	GEX	2/4/2018	36.8	37.00	0.7%	30.0	50.0
Trung bình					80.9%		

Nguồn: BSC Research

Danh mục cơ bản

TT	Mã	Ngày mua	Giá mua	Giá hiện tại	Hiệu suất tổng	Dừng lỗ	Mục tiêu
1	PVT	23/06/2016	11.1	20.1	81.1%	19.5	22.7
2	CTI	29/07/2017	29.7	35.3	18.9%	31.2	36.3
3	ACB	2/2/2018	41.5	48.8	17.6%	38.3	47.0
4	PLX	16/3/2018	83.0	79.0	-4.8%	75.0	114.0
5	VGC	06/04/2018	25.2	23.2	-7.9%	23.2	32.5
Trung bình					21.0%		

Nguồn: BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	99.8	-1.2%	0.6	1,420	2.3	7,166	13.9	5.4	49.0%	45.3%
PNJ	Bán lẻ	187.0	-3.1%	0.8	891	2.2	6,727	27.8	6.9	49.0%	32.6%
BVH	Bảo hiểm	106.8	-1.0%	1.5	3,202	2.5	2,246	47.6	5.2	25.2%	10.7%
PVI	Bảo hiểm	38.5	-1.3%	0.6	389	0.9	2,114	18.2	1.3	43.9%	7.1%
VIC	Bất động sản	126.0	-3.8%	1.3	14,641	18.3	2,373	53.1	9.9	10.7%	15.8%
VRE	Bất động sản	51.0	-3.8%	1.2	4,271	5.7	1,061	48.1	3.7	32.9%	9.0%
NVL	Bất động sản	72.5	0.0%	0.5	2,731	9.2	2,534	28.6	4.7	4.2%	18.7%
REE	Bất động sản	38.5	-3.5%	1.0	526	2.8	4,442	8.7	1.5	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	36.7	-4.9%	1.1	490	8.7	2,494	14.7	2.9	42.0%	21.3%
SSI	Chứng khoán	41.8	-3.9%	1.3	920	15.5	2,371	17.6	2.4	53.5%	14.2%
VCI	Chứng khoán	112.0	-2.6%	0.7	592	0.2	5,790	19.3	4.5	39.5%	30.5%
HCM	Chứng khoán	84.7	-5.9%	1.0	483	2.9	4,280	19.8	3.9	58.5%	21.4%
FPT	Công nghệ	63.0	-2.2%	0.9	1,481	9.3	5,532	11.4	2.9	48.8%	28.0%
FOX	Công nghệ	85.0	0.0%	0.2	564	0.0	5,180	16.4	4.2	0.2%	26.5%
GAS	Dầu khí	126.5	-2.3%	1.6	10,666	4.7	4,991	25.3	5.8	3.5%	24.0%
PLX	Dầu khí	79.0	-4.8%	1.4	4,033	3.6	3,013	26.2	4.5	12.1%	17.1%
PVS	Dầu khí	20.9	1.5%	1.8	411	5.3	1,792	11.7	0.9	16.7%	7.6%
PVD	Dầu khí	18.7	1.9%	1.7	315	1.4	0	184.1	0.5	24.8%	0.3%
DHG	Dược	111.9	0.8%	0.4	645	2.2	4,367	25.6	5.3	46.1%	20.5%
TRA	Dược	95.2	-1.9%	0.0	174	0.0	5,811	16.4	3.8	48.7%	24.6%
DPM	Hóa chất	21.3	-1.8%	0.9	367	0.5	1,532	13.9	1.1	22.5%	8.7%
DCM	Hóa chất	12.7	-2.7%	0.5	296	0.3	1,075	11.8	1.1	4.1%	9.5%
VCB	Ngân hàng	71.2	-4.4%	1.5	11,285	12.5	2,527	28.2	4.9	20.6%	18.1%
BID	Ngân hàng	44.5	-2.2%	1.3	6,702	4.8	1,738	25.6	3.3	2.6%	13.4%
CTG	Ngân hàng	35.7	-4.3%	1.5	5,856	15.0	1,996	17.9	2.1	30.0%	12.0%
VPB	Ngân hàng	66.1	-3.2%	0.7	4,360	13.9	4,564	14.5	3.3	23.5%	26.9%
MBB	Ngân hàng	35.2	-3.7%	1.0	2,815	15.7	1,955	18.0	2.3	20.0%	13.2%
ACB	Ngân hàng	48.8	-3.4%	0.9	2,331	13.9	1,953	25.0	3.3	30.0%	14.1%
BMP	Nhựa	70.0	-1.3%	0.9	252	1.2	5,676	12.3	2.3	71.5%	19.6%
NTP	Nhựa	60.2	-1.3%	0.4	237	0.0	5,519	10.9	2.6	23.2%	25.1%
MSR	Tài nguyên	28.8	-2.0%	1.5	913	0.1	286	100.7	1.8	2.1%	1.0%
HPG	Thép	60.5	-0.5%	0.8	4,043	19.4	5,540	10.9	2.8	39.9%	30.8%
HSG	Thép	21.9	-3.3%	0.9	337	2.1	3,523	6.2	1.5	26.4%	28.8%
VNM	Tiêu dùng	196.0	-0.5%	0.7	12,531	7.3	6,356	30.8	12.2	59.4%	40.5%
SAB	Tiêu dùng	230.0	0.0%	0.9	6,498	0.5	7,350	31.3	10.8	9.7%	38.6%
MSN	Tiêu dùng	98.0	-6.7%	1.0	4,522	7.6	2,877	34.1	6.9	32.5%	20.6%
SBT	Tiêu dùng	17.2	-3.4%	1.1	421	2.6	1,245	13.8	1.4	9.2%	7.6%
ACV	Vận tải	93.0	-0.9%	0.8	8,920	0.4	1,883	49.4	7.4	3.5%	15.9%
VJC	Vận tải	213.0	-1.8%	0.8	4,235	10.7	6,233	34.2	19.8	26.2%	68.7%
HAV	Vận tải	48.1	-0.8%	1.8	2,601	1.5	1,931	24.9	3.5	8.9%	14.6%
GMD	Vận tải	29.2	-2.7%	0.8	371	1.9	1,946	15.0	1.3	20.4%	8.1%
PVT	Vận tải	20.1	0.5%	1.0	249	0.8	1,599	12.6	1.5	33.7%	12.4%
VCS	Vật liệu xây dựng	120.0	0.0%	0.8	846	0.9	6,830	17.6	8.0	2.6%	58.5%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.2	-4.9%	1.0	458	2.8	1,697	13.7	1.6	34.5%	11.8%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.3	0.0%	0.7	240	0.1	1,277	11.2	1.1	6.5%	9.4%
CTD	Xây dựng	160.2	2.6%	0.2	553	4.1	20,436	7.8	1.7	42.7%	23.2%
VCG	Xây dựng	21.5	-6.1%	1.6	418	2.6	3,037	7.1	1.5	9.5%	21.5%
CII	Xây dựng	32.4	-1.2%	0.6	351	1.4	6,032	5.4	1.6	67.2%	35.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KDH	41.30	3.12	0.18	529290.00
CTD	160.20	2.63	0.12	580470.00
VHC	69.40	3.58	0.08	447280.00
PVD	18.65	1.91	0.05	1.66MLN
DHG	111.90	0.81	0.04	435940.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	126.00	-3.82	-4.85	3.22MLN
VCB	71.20	-4.43	-4.37	3.91MLN
MSN	98.00	-6.67	-2.98	1.69MLN
CTG	35.70	-4.29	-2.19	9.28MLN
GAS	126.50	-2.32	-2.11	819030.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HOT	64.20	7.00	0.01	2980.00
TMT	10.70	7.00	0.01	170430.00
DAH	5.24	6.94	0.00	580120.00
VHG	1.40	6.87	0.01	5.25MLN
GSP	14.95	6.79	0.01	169540.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TNT	2.79	-7.00	0.00	485650
HVX	3.88	-6.95	0.00	10
DXV	4.42	-6.95	0.00	20
VCF	166.10	-6.95	-0.12	540
ROS	107.20	-6.94	-1.39	2.04MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	20.90	1.46	0.07	5.67MLN
TTB	17.60	10.00	0.05	687700
DNP	19.50	7.14	0.03	57400
PGS	31.40	2.61	0.03	14360
PHC	20.20	5.21	0.02	1.16MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	48.80	-3.37	-1.42	6.55MLN
SHB	13.50	-1.46	-0.22	20.88MLN
VCG	21.50	-6.11	-0.17	2.61MLN
VGC	23.20	-4.92	-0.14	2.82MLN
SHS	21.80	-5.22	-0.11	3.50MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

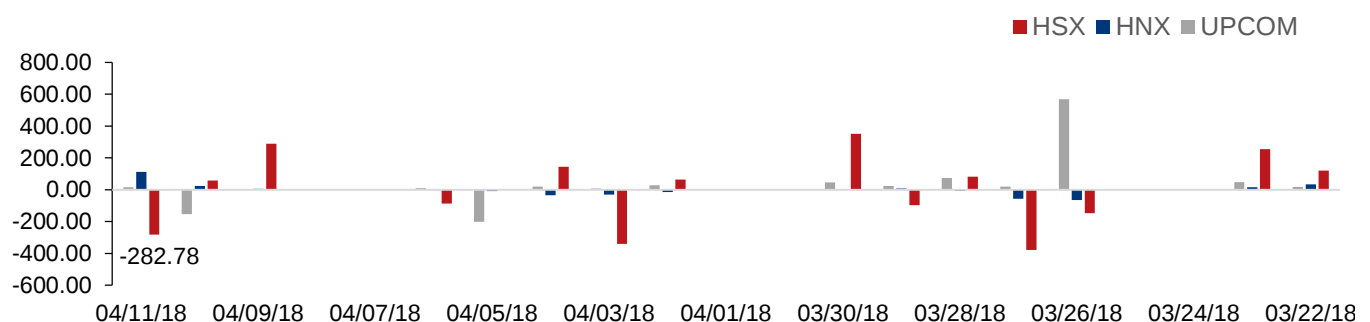
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TH1	5.50	10.00	0.00	100
TTB	17.60	10.00	0.05	687700
SDG	19.60	9.50	0.01	100
LM7	3.50	9.38	0.00	14100
MSC	11.70	9.35	0.01	300

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBS	19.80	-10.00	-0.07	4.21MLN
ONE	9.10	-9.90	0.00	31100
DID	4.60	-9.80	0.00	10100
NHA	9.30	-9.71	-0.01	100
KMT	5.80	-9.38	0.00	500

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2018M01	Phân tích vĩ mô		Click	
2	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2018	Phân tích vĩ mô		Click	
3	BSC_Vietnam Sector Review_2017_VN_Part 1	Phân tích ngành		Click	
4	BSC_Vietnam Sector outlook_2018_VN_Part 2	Phân tích ngành		Click	
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2017	Phân tích ngành		Click	
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2017	Phân tích ngành		Click	
7	BSC_Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ	Phân tích vĩ mô		Click	
8	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M09	Phân tích vĩ mô		Click	
9	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M08	Phân tích vĩ mô		Click	
10	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M07	Phân tích vĩ mô		Click	
11	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M06	Phân tích vĩ mô		Click	
12	BSC_Vietnam Sector_VN_Ngành cao su	Phân tích ngành		Click	
13	Sector insight_Đánh giá tác động SBV hạ lãi	Phân tích ngành		Click	
14	BSC_Vietnam Macro Outlook_2017 Second half	Phân tích vĩ mô		Click	
15	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M05	Phân tích vĩ mô		Click	
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2017	Phân tích ngành		Click	
17	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M04	Phân tích vĩ mô		Click	
18	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M03	Phân tích vĩ mô		Click	
19	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M02	Phân tích vĩ mô		Click	
20	BSC_Vietnam Monthly Review_VN_2017M01	Phân tích vĩ mô		Click	

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo	Link dự phòng
1	CSM	Cao su	Nắm giữ	14/03/2018	14.7	17.0	14.2	530	26.7	1.2	Click	
2	NT2	Điện	Nắm giữ	3/12/2018	29.3	30.2	31.3	2,762	11.3	1.8	Click	
3	EIB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	15.0	17.3	14.6	669	21.8	1.3	Click	
4	VIS	Thép	Theo dõi	13/03/2018	34.7	43.0	34.9	749	46.6	2.4	Click	
5	ACB	Ngân hàng	Mua	3/12/2018	46.8	55.8	48.8	1,953	25.0	3.3	Click	
6	VSC	Vận tải	Nắm giữ	3/8/2018	42.1	45.4	38.0	4,735	8.0	1.3	Click	
7	DIG	Bất động sản	Mua	3/8/2018	27.3	36.6	23.1	824	28.0	2.0	Click	
8	PVT	Vận tải	Nắm giữ	3/5/2018	18.0	20.2	20.1	1,599	12.6	1.5	Click	
9	HPG	Thép	Mua	3/1/2018	66.7	79.3	60.5	5,540	10.9	2.8	Click	
10	DXG	Bất động sản	Mua mạnh	2/12/2018	28.2	40.0	36.7	2,494	14.7	2.9	Click	
11	TNG	Dệt may	Mua	16/01/2018	15.5	18.1	13.8	2,797	4.9	0.9	Click	
12	CSV	Cao su	Mua	12/6/2017	34.3	42.0	39.3	5,435	7.2	2.2	Click	
13	FPT	Công nghệ	Mua	15/11/2017	56.9	70.2	63.0	5,532	11.4	2.9	Click	
14	VCB	Ngân hàng	Nắm giữ	13/11/2017	43.1	45.0	71.2	2,527	28.2	4.9	Click	
15	PVS	Dầu khí	Mua	11/8/2017	16.1	17.5	20.9	1,792	11.7	0.9	Click	
16	MBB	Ngân hàng	Mua	11/3/2017	22.6	26.0	35.2	1,955	18.0	2.3	Click	
17	CTD	Xây dựng	Mua	11/3/2017	225.0	254.3	160.2	20,436	7.8	1.7	Click	
18	HAG	Nông nghiệp	Mua	11/2/2017	8.0	14.6	5.4	164	33.2	0.4	Click	
19	RAL	Tiêu dùng	Mua	24/10/2017	134.1	167.5	132.0	18,611	7.1	2.3	Click	
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	23/10/2017	109.0	132.0	187.0	6,727	27.8	6.9	Click	

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

